

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày 19 tháng 02 năm 2025
*V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Thắm

Ông Đỗ Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Ngân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 531/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1983 (xin vắng);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Minh T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: A, ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:*

Do quen biết nên bà H có cho bà Nguyễn Thụy Minh T vay tiền nhiều lần. Cụ thể như sau:

- Ngày 10/12/2019 mượn số tiền 49.000.000 đồng, thời hạn mượn 30 ngày, không thoả thuận lãi suất.

- Ngày 11/12/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1%/tháng, thỏa thuận trả nợ sau 12 tháng. Để làm tin, chị T cầm sổ bảo hiểm số

8215028736 cho bà H để vay tiền. Khoản vay này chị T đóng lãi đến tháng 10/2023 thì ngưng thực hiện.

- Ngày 10/12/2020 vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

- Ngày 31/10/2023 vay số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, lãi suất 3%/tháng.

Đến hạn thanh toán bà H có yêu cầu chị T trả các khoản vay mượn cho bà H, chị T nói sẽ sắp xếp nguồn tiền để trả cho bà H nhưng chưa thực hiện. Đến tháng 12/2023 bà H yêu cầu chị T trả toàn bộ các khoản nợ thì chị T tránh mặt bà H nên phát sinh tranh chấp.

Đối với sổ bảo hiểm số 8215028736 hiện chị T đã tự đi báo mất sổ để xin cấp lại và đã tiến hành làm thủ tục xin trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần.

Nay bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xem xét giải quyết:

Buộc bị đơn Nguyễn Thụy Minh T trả cho bà Hằng số tiền: Nợ gốc 309.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 24/12/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Nguyễn Thụy Minh T trả cho bà Hằng số tiền nợ gốc 309.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thụy Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm đưa vụ án ra xét xử đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thụy Minh T trả cho bà Hằng số tiền 309.000.000 đồng gốc và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thụy Minh T đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử,

quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn Nguyễn Thụy Minh T cư trú tại xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu chị Nguyễn Thụy M Thủy trả tiền nợ vay ngày 10/12/2019 số tiền 49.000.000 đồng, thời hạn mượn 30 ngày, không thỏa thuận lãi suất; Ngày 10/12/2020 số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng; Ngày 11/12/2019 số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng; Ngày 31/10/2023 số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, lãi suất 3%/tháng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là các “*hợp đồng cho vay tiền*” đề ngày 10/12/2020 có nội dung “*tôi tên Nguyễn Thị Thúy H sinh năm 1983 ... Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang có cho bà Nguyễn Thụy Minh T, sinh 01/6/1984 địa chỉ: 1236 ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vay số tiền 70.000.000 đồng*”; “*Hợp đồng cho mượn tiền*” ngày 10/12/2019 có nội dung “*Bên A: Nguyễn Thị Thúy H sinh ngày 15/12/1983 ... Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang Tôi có cho bên B là: bà Nguyễn Thụy Minh T, sinh 01/6/1984 địa chỉ: 1236 ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang mượn số tiền 49.000.000 đồng*”; “*Hợp đồng cho vay tiền*” đề ngày 31/10/2023 có nội dung “*Bên vay (bên A): bà Nguyễn Thụy Minh T, sinh 01/6/1984 địa chỉ: 1236 ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang bên cho vay (bên B) Nguyễn Thị Thúy H sinh ngày 15/12/1983 ... Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang Tôi có vay của bà Nguyễn Thị Thúy Hằng S tiền: 140.000.000 đồng*” và “*Hợp đồng cầm cố tài sản*” ngày 11/12/2019 có nội dung “*bên cầm cố tài sản: bà Nguyễn Thụy Minh T, sinh 01/6/1984 địa chỉ: 1236 ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; bên nhận cầm cố tài sản bà Nguyễn Thị Thúy H sinh ngày 15/12/1983 ... Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang hai bên đồng ý thực hiện hợp đồng cầm cố tài sản*” “*bên a đồng ý cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên B (bao gồm: Nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn và phí); số tiền mà bên B cho bên A vay là: 50.000.000 đồng*” do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của chị Nguyễn Thụy Minh T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà H và chị T đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thụy Minh T. Tuy nhiên, chị T không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà H. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thụy Minh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*” nên Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thụy Minh T phải trả 309.000.000 đồng tiền gốc cho bà H là có căn cứ.

[4] Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu tính lãi 0.83%/ tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý 01/11/2024 đến khi xét xử. Nhưng ngày 24/12/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Nguyễn Thụy Minh T trả cho bà Hằng số tiền nợ gốc 309.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 244 BLTTDS do phía nguyên đơn không yêu cầu xem xét lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 91 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H.

2. Buộc bị đơn Nguyễn Thụy Minh T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thúy Hằng S tiền: 309.000.000 đồng

3. Về án phí:

Bị đơn Nguyễn Thị Minh T1 phải chịu 15.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thúy H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.138.000 đồng theo biên lai thu tiền số 6981 ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Thúy H cho đến khi thi hành án xong, Nguyễn Thị Minh T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Liên